ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 346 /TTr-UBND	*Quảng Trị, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1. 1. Cơ sở chính trị

Ban hành "Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị" nhằm kịp thời thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được đưa ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao là "*Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa...*" "*Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch*".

1.2. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa:

" Điều 15. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp*** *căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.*

2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa, HĐND tỉnh Quảng Bình (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, HĐND tỉnh Quảng Trị (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tỉnh Quảng Trị (mới) được sáp nhập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị, lấy tên là tỉnh Quảng Trị. Cùng với cả nước, tỉnh Quảng Trị mới chính thức chuyển sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 1/7/2025. Như vậy các nội dung quy định về đất trồng lúa tại các nghị quyết nói trên không còn phù hợp, cần thiết ban hành Nghị quyết thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã).

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 15 - Sử dụng kinh phí hỗ trợ, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; tạo cơ sở pháp lý để kịp thời thực hiện công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Việc ban hành Nghị quyết đảm bảo việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, bảo đảm thu nhập, ổn định đời sống cho người trồng lúa.

Chính sách triển khai kịp thời góp phần tạo thuận lợi cho địa phương có nguồn lực đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông

nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất trồng lúa, đầu tư hạ tầng nông nghiệp nông thôn, cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước, hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong trồng lúa nước,... góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Căn cứ quy định nêu trên, để đảm bảo nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết, đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 15 – Sử dụng kinh phí hỗ trợ, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 9 năm 2024 Quy định chi tiết về đất trồng lúa; tạo cơ sở pháp lý để kịp thời thực hiện công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 cho các địa phương, đơn vị theo quy định của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

Chính sách triển khai kịp thời góp phần tạo thuận lợi cho địa phương có nguồn lực đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất trồng lúa, đầu tư hạ tầng nông nghiệp nông thôn, cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước, hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong trồng lúa nước,.... góp phần phát triển kinh tế xã hội.

2. Quan điểm xây dựng nghị quyết

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Các quy định quản lý, sử dụng kinh phí đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan; đảm bảo hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất, đảm bảo phù hợp với thực tiễn tại địa phương trên cơ sở được sự đồng thuận, nhất trí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã

chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan, đăng tải trên Công thông tin điện tử của tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến.

IV. BỐ CỤC VÀ CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 điều, trong đó:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

b) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ được địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Sử dụng 95% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP hỗ trợ cho các xã, phường để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo định mức: 1.425.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa; 712.500 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và hỗ trợ thêm 1.425.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao;

b) Sử dụng 5% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để bố trí cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ.

c) Nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa: hỗ trợ cho các xã, phường và cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật ngân sách hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Các xã, phường sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí được phân bổ tại điểm a, điểm c, khoản 3 Điều này để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Kinh phí còn lại thực hiện các hoạt động cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa và sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã;

b) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng kinh phí tại điểm b, điểm c, khoản 3 Điều này để thực hiện nhiệm vụ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; xây dựng các mô hình điểm trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa

học kỹ thuật mới trong sản xuất lúa (giống mới, quy trình sản xuất, công nghệ mới) làm cơ sở chuyển giao cho các địa phương triển khai nhân rộng và hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành

Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết này và chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, địa phương liên quan phối hợp hướng dẫn trong quá trình thực hiện.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh và nguồn thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp hàng năm nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 6 xem xét, quyết định./.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp& Môi trường;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

b) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ được địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Sử dụng 95% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP hỗ trợ cho các xã, phường để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo định mức: 1.425.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa; 712.500 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và hỗ trợ thêm 1.425.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao;

b) Sử dụng 5% kinh phí trung ương hỗ trợ tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để bố trí cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ.

c) Nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa: hỗ trợ cho các xã, phường và cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật ngân sách hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Các xã, phường sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí được phân bổ tại điểm a, điểm c, khoản 3 Điều này để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Kinh phí còn lại thực hiện các hoạt động cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa và sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã;

b) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh sử dụng kinh phí tại điểm b, điểm c, khoản 3 Điều này để thực hiện nhiệm vụ đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; xây dựng các mô hình điểm trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất lúa (giống mới, quy trình sản xuất, công nghệ mới) làm cơ sở chuyển giao cho các địa phương triển khai nhân rộng và hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thi hành Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

b) Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể đơn vị cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang